

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Nhân

2. Bà Phạm Kim Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu vực A, phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Việt B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu vực A, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông B vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Lê Việt B chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên

xảy ra cự cãi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Lê Việt B.

+ Về con chung: Có 02 con chung, tên Lê Huỳnh Thảo P (giới tính nữ), sinh ngày 10/12/2016 và Lê Huỳnh Phương T (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2019. Hiện nay, hai con chung do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Việt B tại đơn yêu cầu trình bày: Ông đã nhận được thông báo của Tòa án về việc giải quyết tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa ông và bà Huỳnh Thị Ngọc T. Tuy nhiên, hiện nay do ông bận công việc nên không thể đến Tòa án tham gia tố tụng, ông đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông. Về quan hệ hôn nhân: Nếu bà T cương quyết xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông B xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Ngọc T khởi kiện ông Lê Việt B địa chỉ khu vực B, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông B ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Lê Việt B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2018 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông B có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể hàn gắn và cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông B là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung, tên Lê Huỳnh Thảo P (giới tính nữ), sinh ngày 10/12/2016 và Lê Huỳnh Phương T (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2019. Nguyên đơn bà T và bị đơn ông B thống nhất giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Việt B không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết;

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001109** ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản **1 Điều 228**, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Việt B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Huỳnh Thảo P (giới tính nữ), sinh ngày 10/12/2016 và Lê Huỳnh Phương T (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2019 cho bà Huỳnh Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Việt B không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: **Ông Lê Việt B** chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà Huỳnh Thị Ngọc T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét

giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001109** ngày **23/11/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Việt B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quan THADS Tp V;
- UBND phường IV, Tp V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Phương**